



VỀ TIỂU LOẠI “TỔNG HỢP” TRONG CÁC THỰC TỪ TIẾNG VIỆT

GS.TS Đinh Văn Đức*

1. Dẫn nhập

Trong khi phân định từ loại tiếng Việt, các nhà ngôn ngữ học Việt Nam thường quan tâm đến các tiêu chí phân định từ loại và áp dụng để phân định các nhóm nhỏ trong từ loại mà ta quen gọi là các phạm trù từ vựng - ngữ pháp. Công việc phân định từ loại đã thực sự đạt được tiến bộ từ lý luận mang tính chức năng của Lê Văn Lý (1948) [1]. Sau đó là việc áp dụng lý luận cấu trúc miêu tả luận của Nguyễn Tài Cẩn (1960) [2] trong việc nghiên cứu danh từ và danh ngữ tiếng Việt. Về phân định các tiểu phạm trù từ vựng ngữ pháp, nhà Đông phương học Nga Kholodovich (1960) [3] đã đưa ra lý luận về “Hình thể cú pháp” của từ (1960) [4], tiếng Nga gọi là “Konfiguraxija”, để phân loại, phân chia thành các tiểu loại từ. Có một tiểu loại trong các tiểu loại danh từ tiếng Việt chỉ được nhắc đến chứ chưa được ai mô tả kỹ hoặc tìm hiểu xem chúng hành chức như thế nào. Nguyễn Tài Cẩn là người duy nhất đề cập đến vấn đề này. Trong cuốn sách *Từ loại danh từ tiếng Việt* (1975) xuất bản từ một luận án tiến sĩ (1960), Nguyễn Tài Cẩn cho rằng trong những phạm trù từ vựng ngữ pháp của danh từ có một tiểu loại gọi là *danh từ tổng hợp*. Nó là danh từ được cấu tạo từ hai thành tố tức là hai “tiếng” *đồng loại* mang *bản chất danh* nhưng cấu trúc song tiết có ý nghĩa khái quát hơn so với ý nghĩa của các thành tố. Các từ *nhà cửa*, *quần áo*, *vải vóc* là những danh từ tiếng Việt khái quát hơn so với nghĩa của từng yếu tố. *Nhà cửa* khái quát hơn so với hai thành tố “nhà” và “cửa”, hay như *sách báo* chỉ khái niệm chung cho “sách” và “báo”, còn *quần áo* thì chỉ trang phục nói chung chứ không phải là cái quần, cái áo cụ thể. Đó là đặc điểm riêng của danh từ tổng hợp tiếng Việt.

* Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ những nhận xét gợi ý đó, chúng tôi dần dần nhận thấy rằng trong tiếng Việt không phải chỉ có danh từ mà cả động từ, tính từ, thậm chí là cả số từ, phương vị từ cũng có khả năng đó. Ví dụ: trong danh từ thì có các tổ hợp như *quần áo, nhà cửa, sách báo, ruộng đất, v.v...*; trong động từ thì có các tổ hợp như *đi đứng, ra vào, nói năng, mời mọc*; trong tính từ thì có *xinh đẹp, tươi tắn, mạnh khoẻ, đất đỏ, v.v...*; trong phương vị từ thì có *trên dưới, trước sau, trong ngoài, lui tới, đi về, ra vào, v.v...*; trong số từ thì có *mười lăm, vài ba, v.v...* Những thành tố có nghĩa tạo các từ ghép có cấu trúc phức hợp hơn, tạo ra một cái có nghĩa khác, khái quát hơn. Chúng ta gọi chung đó là nhóm thực từ mang tính chất *tổng hợp*. Chúng rất đặc trưng cho từ tiếng Việt. Tuyệt đại bộ phận chúng song tiết và phần lớn một tiếng hay cả hai tiếng đều là thuộc tính thuần Việt, có nghĩa. Cũng có lúc, một tiếng có nghĩa kết hợp với một tiếng không có nghĩa, chẳng hạn như *đất đai, vườn tược, áo xông, chợ búa, lính tráng, xe cộ*. Trong những trường hợp này, tiếng thứ hai thường không có nghĩa. Các từ thuộc từ loại động từ cũng như vậy: trong *nói năng* thì *nói* có nghĩa nhưng *năng* không có nghĩa, còn *nói năng* là khái niệm về hành vi ngôn từ. Ta cũng thấy điều tương tự ở tính từ như các *xanh xao, vàng vọt, lạnh lẽo...* Vấn đề quan trọng là nghĩa của chúng trong câu.

Về phương diện chức năng, nghĩa những từ này được dùng với tư cách không chỉ cá thể mà là một ý niệm trừu tượng hơn, tổng hợp hơn. *Đất đai* không có nghĩa là *đất* mà nói đến *phạm trù đất* nói chung. Chính vì thế, ở đây có đặc trưng ngữ pháp đi kèm. Người ta ít khi thấy loại từ xuất hiện trước danh từ tổng hợp, chỉ trong trường hợp đặc biệt là có biến đổi cấu trúc từ danh từ tổng hợp thì loại từ mới xuất hiện. Ví dụ, khi ta nói: “Ở đây chẳng có con gà con què nào cả” hay là “Không có tấc đất tấc đai nào”, “Không có mảnh vườn mảnh tược nào”. Đó là các trường hợp dùng kết cấu phủ định.

Về phương thức cấu tạo, các nhà Việt ngữ học thường mô tả chúng như là từ ghép, từ ghép đẳng lập và chính phụ được thành lập trên phương thức láy hoặc lặp. Láy và lặp là hai phương thức chính để cấu tạo từ. Chúng ta chỉ tập trung khảo sát chức năng cú pháp của những tổ hợp song đôi có tính cố định, nghĩa là được từ hoá.

2. Danh từ tổng hợp

Danh từ tổng hợp là loại tổ hợp xuất hiện nhiều nhất, rất dễ dàng được thành lập trên cơ sở của việc láy hay lặp thành tố có nghĩa để tạo ra danh từ ghép. Chúng ta thấy phổ biến nhất là tổ hợp gồm có hai yếu tố như *sách vở, quần áo, nhà cửa, ruộng nương, v.v...* Điều quan trọng nhất là chúng được sử dụng tùy theo mong muốn của người bản ngữ khi giao tiếp. Theo cái mẫu đó, người ta có thể nhanh chóng thành lập các kết cấu tổng hợp kiểu như *sân vườn, cây cối, ngõ ngách,*

đường sá, chợ búa, trường sở,... Có thể dẫn ra nhiều ví dụ khác nhau, khi dùng chúng mà liên quan đến người nói hay là người nói có ý thức sử dụng chúng thì có cả khía cạnh *ngữ dụng* rồi. Người nói sử dụng chúng nhằm tăng cường ngôn ngữ của câu, gắn nó với những ngữ cảnh nhất định. Những phát ngôn “Tôi chẳng có mảnh vườn mảnh tược nào cả”, “Tôi chẳng có tấc đất tấc đai nào cả” là những phát ngôn tường thuật nhưng có tình thái là một “sự phàn nàn” về sự tình và mong muốn người nghe chia sẻ với mình. Chúng ta cần chú ý tính chất ngữ dụng của loại tổ hợp này, tính chất ngữ dụng ấy chỉ có người bản ngữ biết và sử dụng nhiều.

Trường hợp thứ hai là những cấu trúc danh từ có yếu tố thứ hai không có nghĩa kiểu như *đất đai, vườn tược,...* Nguyễn Tài Căn đã phân tích ý nghĩa bộ phận thứ hai là lấy nghĩa tổng hợp trừ đi ý nghĩa bộ phận thứ nhất. Nhưng cái ý nghĩa đó không phải là ý nghĩa từ vựng mà chỉ có *giá trị về ngữ pháp*: trong *vườn tược* thì *tược* không có nghĩa nhưng lại có giá trị ngữ pháp, tương tự như vậy với các tổ hợp *xe cộ, áo xống, lính tráng,...* Tất cả yếu tố thứ hai đều chỉ có nghĩa ngữ pháp. Chúng ta có thể tập hợp chúng lại với nhau theo hệ hình giá trị ngữ pháp chung. Chúng không phải là hình vị thực mà là hình vị thuần túy về ngữ pháp, hình vị với giá trị ngữ pháp thuần túy kiểu Bloomfield. Tất cả các danh từ đơn tiết tiếng Việt, đặc biệt là thuần Việt, độc lập, có nghĩa, rất dễ được sử dụng để cấu tạo danh từ tổng hợp. Những yếu tố không có nghĩa cũng sẵn sàng được huy động tham gia vào cấu trúc này khi cần thiết. Từ “phố xá” khác với từ “phố”. Phố là danh từ cụ thể, nhưng khi nói “Phố xá ở đây thật đẹp” thì không phải là nói phố A hay phố B mà người nói muốn nhìn chung, đánh giá nhận xét về đô thị. Như vậy, với danh từ tổng hợp, khi dùng, bao giờ người nói cũng có thể nhận xét về sự tình, ví dụ: “Phố xá ở đây thật là tấp nập”, “Vườn tược ở đây cây cối thưa thớt”. Người ta gọi đó là sự tổng hợp, nói chung là trừu tượng. Sự vật luôn luôn tồn tại dưới dạng các cá thể trong thế giới. Cái chung ở từng lớp, từng loại sự vật, ý nghĩa của danh từ tổng hợp là ý nghĩa có *tính chất chức năng*. Đó là kết quả của sự khái quát hoá và trừu tượng hoá, không phải là cái cho sẵn. Một khái niệm “tổng hợp” chỉ hình thành sau hành động tư duy khái quát hoá, trừu tượng hoá.

Về mặt ngữ dụng, nếu xét trên phương diện quy chiếu thì từ loại dù là danh từ, động từ hay tính từ thì sở chỉ cũng đều rất đặc biệt. Chúng ta biết, nhờ phép quy chiếu mà chúng ta xác lập được sở chỉ. Trước hết nói về danh từ, ví dụ, nói “ngôi nhà kia” thì cái thực thể chỉ ra bằng ngôn ngữ là rất rõ. Trong danh ngữ “ngôi nhà kia” có một sự vật cụ thể được xác lập nhờ một biểu thức ngôn ngữ. Tuy nhiên, danh từ tổng hợp không phải chỉ ra như vậy, nó chỉ ra một “vật thể mờ” dù vẫn quy chiếu bằng ngôn từ. Ở đây sở chỉ là “mờ” như ở các từ *đất đai, nhà cửa, vườn tược, áo xống, chợ búa*, chúng chỉ ra những vật thể trừu tượng. Đã là danh từ trừu tượng thì cái “sự vật” được quy chiếu bằng ngôn từ cũng trừu tượng. Trên phương diện ngữ dụng, có sự phân biệt rõ giữa danh từ thường và danh từ tổng hợp. Bất kỳ danh từ thường nào chỉ sự vật đều có biểu thức quy

chiếu trực chỉ nhưng danh từ tổng hợp thì không. Danh từ tổng hợp thường có các từ chỉ xuất đi kèm, ví dụ *đất đai này, vườn tược ấy, xe cộ khác*. Các từ *này, ấy, nọ, kia, khác* là từ trực chỉ vốn dùng để xác định (còn gọi là định từ), ở đây, sự vật là trừu tượng hơn (“mờ” hơn), nhưng nó vẫn xác định cho cái thực thể “trừu tượng” này trong quan hệ với thực thể khác. Khi ta nói: *nhà này* và *Nhà cửa này bề bộn lắm; sách ấy, báo ấy, Sách báo ấy rất đắt tiền*, ta thấy danh từ đều có định từ đi kèm. Ở đây tính độc lập của ngôn ngữ trên bậc trừu tượng hoá trong quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy là rất rõ. Số lượng danh từ tổng hợp là rất nhiều, không thể lập hết danh sách để đưa vào từ điển như danh từ cụ thể được. Kết cấu *vừa có tính tự do* lại *vừa có tính cố định* ở danh từ tổng hợp là nét đặc sắc. Tính cố định là chức năng của “từ” nhưng danh từ tổng hợp là tổ hợp của hai yếu tố gần như đẳng lập nên khá lỏng và tự do. Ngay cả tổ hợp chính phụ cũng là loại tổ hợp mở. Trường hợp cấu trúc có yếu tố thứ hai có nghĩa như kết cấu *nhà cửa, sân vườn, ao hồ, núi non, v.v...* thì rất tự do. Người nói có thể tạo lập danh từ tổng hợp một cách dễ dàng và sau đó có thể giải thể nó được. Đây là loại từ ghép có mô hình cú pháp nước đôi. Đối với tiếng Việt, dùng ngữ pháp truyền thống để phân tích mô hình kiểu loại từ này tương đối khó bởi vì ngữ pháp cổ điển bắt đầu từ “từ”. Cấu trúc thành tố trực tiếp của Miêu tả luận đơn giản hơn vì cú pháp này là bắt đầu từ “hình vị” chứ không phải là “từ”. Trường hợp này có từng đôi tổ hợp rất rõ, cũng không phải nói gì nhiều về kết cấu này nhưng tần số xuất hiện của danh từ tổng hợp trong khi giao tiếp nói năng khá cao. Vì vậy, nếu xét trên phương diện ngữ nghĩa và ngữ dụng thì nó là phạm trù từ vựng - ngữ pháp rất đáng chú ý. Đó là nét ngữ pháp đặc thù của từ loại tiếng Việt. Chúng ta thấy những đặc điểm này không chỉ có ở danh từ mà mở rộng đến cả động từ, tính từ.

3. Động từ tổng hợp

Động từ là từ loại chỉ ra các dạng vận động của tất cả những gì được thể hiện bằng danh từ. Nhưng có loại hoạt động phải là hoạt động cụ thể: *ăn, nói, đi, chạy, cắt, chặt, v.v.* chỉ ra những hành vi rất cụ thể. Ngay cả trạng thái cũng là một hình thái hoạt động, tuy nó tĩnh, nhưng nó cũng là cái gì rất cụ thể. Động từ tổng hợp cũng là tiểu loại thực hiện chức năng trừu tượng hoá, khái quát hoá, trung hoá các dạng hoạt động. Động từ “đi” trong tiếng Việt chỉ ra sự chuyển động của một thực thể, động từ chuyển động đó có khá nhiều ý nghĩa. Khi “đi” kết hợp với một yếu tố có nghĩa khác đồng loại, nó tạo ra các động từ tổng hợp, ví dụ: *đi đứng, đi lại, đi về*, các động từ tổng hợp có những nghĩa chung hơn, khái quát hơn. *Đi đứng* nói về một tư thế, *đi lại* nói về một quan hệ, *đi về* là một dạng theo như Diệp Quang Ban gọi là khứ hồi. Rồi chúng còn được mở rộng cấu trúc xa hơn nữa, ví như *đi đi đứng đứng, đi đi lại lại, đi đi về về*. Việc biến đổi cấu trúc từ trong ngữ lưu mang theo ý thức nói năng, nhận xét, người nói. Những dạng sau khác hẳn với từ “đi” ban đầu vì nó đã nhuộm màu ngữ dụng. Các động từ tổng hợp trong tiếng

Việt cũng có rất nhiều, chúng làm cho ngữ nghĩa từ loại thêm đa dạng, phong phú. Từ đó dẫn đến nét đặc sắc của vị ngữ trong câu, bởi vì, động từ chủ yếu giữ chức vụ vị ngữ trong câu. Không gian nghĩa mà động từ vị ngữ làm trung tâm của câu được mở ra theo các vai nghĩa với nhóm động từ này cũng có những nét đặc thù. Ví dụ như khả năng sở hữu các bổ ngữ có giảm đi, ví dụ, “đi” có bổ ngữ chỉ điểm đến như *đi Hà Nội, đi Sài Gòn, đi Trung Quốc, đi Pháp, đi thư viện*. Các động từ *đi đứng, đi lại, đi về* cũng có khả năng có bổ ngữ nhưng mức độ giảm đi vì nghĩa cập vật của tổ hợp này cũng giảm. Thứ nữa là việc kết hợp những phụ từ chỉ thời thể, chỉ màu sắc tình thái như *đã, sẽ, đang, từng, còn, chừa,...* cũng hạn chế hơn. Ở đây, hành động được nhắc đến không phải là hành động cụ thể nên diễn tiến cũng có thể bị mờ đi, khi “thể” mờ đi thì thời cũng mờ đi. Cách tri nhận của người bản ngữ không đặt trọng tâm thời - thể vào động từ trung tâm vị ngữ nữa. Ý nghĩa *cập vật* hay *ý nghĩa diễn tiến* đều đã bị hạn chế lại. Trong trường hợp này, chúng ta nên xem động từ như thế nào. “Sàn diễn” của nó cũng thay đổi, không phải như “sàn diễn” mà Tesnière áp dụng cho động từ khác. Ví dụ, động từ trong câu: “Tôi cho nó 100 bạc” có tính tam trị rất rõ. Còn trong câu: “Nó đi đứng không đàng hoàng” thì các diễn tố của động từ là rất khác. Còn khái niệm “đi về” trong câu “Nó đi về Hà Nội như con thoi” với tư cách là động từ vị ngữ, lại cũng khác. Trong trường hợp “Họ thường đi lại với nhau cách đây đã mấy năm”, nghĩa của “đi lại” đã thay đổi, “đi lại” không còn là động từ tổng hợp nữa vì nó có nghĩa cụ thể chứ không phải là nghĩa khái quát, khác hẳn với động từ “đi lại” trong câu: “Giá dầu lửa tăng nên bây giờ đi lại khó khăn lắm”. Vì vậy, tính đơn trị, song trị hay tam trị của động từ này cũng cần cân nhắc. Vị ngữ là động từ tổng hợp thể hiện các quan hệ như tường thuật (bao gồm khẳng định, phủ định), hỏi han, cầu khiến khi tham gia vào ngôn ngữ khác nhau thì đặc điểm diễn tiến của nó cũng có nét đặc thù. Người nói khi sử dụng động từ tổng hợp thường có sự bình luận nào đó chứ không chỉ tường thuật một cách khách quan. Dạng mở rộng của động từ thường hay được dùng. Ví dụ: “Việc này khiến tôi phải *đi đi lại lại* nhiều lần”. Việc mở rộng cấu trúc từ thể hiện nhận xét rất chủ quan của người nói, cách đánh giá đó là đánh giá tích cực hoặc tiêu cực. Do tính khái quát mà có việc sản sinh nghĩa, ở đây, động từ tổng hợp hơi khác danh từ tổng hợp. Danh từ tổng hợp thường bảo lưu được nghĩa gốc, chẳng hạn *áo xống, chợ búa, vườn tược* vẫn bảo lưu nghĩa của yếu tố thứ nhất; còn động từ khi tạo ra cấu trúc mới thì nghĩa đã bị “tán” đi rồi. Ví dụ, hai động từ *cưa* và *kéo* là động từ cập vật, nhưng động từ *cưa kéo* trở thành gần như là bất cập vật và khi đó nghĩa của nó cũng thay đổi. “Đứng” và “ngồi” là hai từ có nghĩa khác nhau, nhưng “đứng ngồi” trong trường hợp: “Nó *đứng ngồi* không yên” thì cái nghĩa được tạo ra không đồng nghĩa với *đứng* hay với *ngồi*, v.v. Các từ *mời mọc, nói năng, nghe ngóng,...* có thể giữ được nghĩa gốc nhưng nhiều trường hợp khác thì lại có sự thay đổi. Ví dụ, “ăn” và “nằm” là hai động từ chỉ

hoạt động thường ngày của con người nhưng tổ hợp “ăn nằm” lại được hiểu theo một nghĩa khác chứ không phải cái nghĩa ban đầu của hai động từ này. Cơ chế tạo nghĩa sản sinh đối với động từ tổng hợp không giống như ở danh từ. Động từ tổng hợp đã làm nhân lên cái ngữ nghĩa của động từ. Trong từ điển tiếng Việt, bên cạnh những động từ thường mà ta lập danh mục từ, động từ tổng hợp là dạng phái sinh giúp ích cho người học tiếng Việt như một ngoại ngữ biết thêm rất nhiều điều về dụng pháp trong khi tổ chức câu nói. Nó chính là một phương tiện rất quan trọng của ngữ dụng. Nếu chúng ta nhìn từ loại tiếng Việt từ phương diện chức năng thì mới có thể nhận ra được điều này. Việc thiết lập một ngữ đoạn động từ với động từ thường rất dễ dàng, nhưng với động từ tổng hợp, khả năng mở rộng thành đoản ngữ lại khó hơn. Chu cảnh và các diễn tố của động từ tổng hợp bị hạn chế hơn so với động từ thường. Nếu được mở rộng thành động ngữ, động từ tổng hợp vẫn có thể tiếp nhận các yếu tố biểu thị “thì”, “thế”, nhưng riêng chu tố và diễn tố thì không được tự do, phong phú như ở động từ thường.

4. Tính từ tổng hợp

Như chúng ta đã biết, tính từ là từ loại dùng để chỉ ra các loại đặc trưng mà đầu tiên là các đặc trưng của các sự vật vì các sự vật tồn tại rất đa dạng, có thể có màu sắc, kích thước, hình thể hoặc số lượng, v.v. Nhưng riêng trong tiếng Việt, ngoài chức năng chỉ ra đặc trưng của sự vật thể hiện bằng danh từ, tính từ còn chỉ ra đặc trưng của các dạng vận động thể hiện bằng động từ và điều này khiến cho tính từ tiếng Việt ôm gọn chức năng của trạng từ (Adverb) trong ngôn ngữ biến tố. Lúc đó, tính từ trở thành một thứ gia ngữ thường xuyên của động từ, người ta gọi là trạng tố hay gia ngữ. Do đó, chức năng ngữ pháp đầu tiên và lớn nhất của tính từ, phải là định ngữ, chức năng thứ hai là gia ngữ, chức năng thứ ba mới là vị ngữ. Nhiều người gọi tính từ là vị từ vì nó trực tiếp tham gia vào khung vị ngữ của câu. Do có tính đa năng như vậy nên tính từ là từ loại gần nhất với người nói về phương diện năng lực, nhận xét, đánh giá. Danh từ và động từ thể hiện những cái có tính khách quan, ví dụ, các sự vật tồn tại khách quan ngoài ý thức của chúng ta, các vận động cũng tồn tại như vậy. Tuy nhiên, ngoài tính khách quan, các đặc trưng của sự vật còn có màu sắc chủ quan vì nó được tri nhận theo cách nhìn của người bản ngữ; vì thế, người nói có thể nhận xét và kết hợp đánh giá sự vật khi dùng tính từ. Ví dụ, khi nói về màu xanh, người Việt có thể nhận xét bằng các tính từ: *xanh lè, xanh rớt, xanh xao,...* nói về màu đỏ bằng các tính từ: *đỏ loe, đỏ loét, đỏ lòm, đỏ dẫn,...* nói về màu vàng bằng các tính từ: *vàng rực, vàng vọt, vàng khè,...* hoặc nhận xét các tính chất của sự vật: *ngắn ngủn, dài ngoẵng, vuông vức, tròn trịa, méo mó, cong queo, vắng vẻ, nhiều nhận,...* Qua đó, chúng ta thấy bản chất của ý nghĩa của tính từ có quan hệ với ngữ dụng nhiều hơn so với từ loại khác. Tính từ là công cụ tốt của dụng pháp. Việc mở rộng cấu trúc của tính từ trong sử dụng cũng không ngoài mục tiêu đó.

Kết quả đầu tiên của việc mở rộng cấu trúc tính từ là tạo ra những *tính từ đa tiết*. Đầu tiên là *tính từ tổng hợp* mà dạng song tiết là nhiều nhất như *nhẹ nhàng, xinh xắn, thơm phức, méo mó, ngắn ngủn*, v.v. Điều này khác với danh từ. Danh từ tổng hợp, như chúng tôi đã nói, có ý nghĩa khái quát hơn, trừu tượng hơn, ví dụ như *nhà* và *nhà cửa*, *đất* và *đất đai*, *áo* và *áo quần*, *vườn* và *vườn tược*. Nhưng khi tính từ được mở rộng cấu trúc theo kiểu tổng hợp như vậy thì đa phần là chúng được thêm vào các yếu tố không có nghĩa như *ôi* trong *đỏ ôi, lè* trong *xanh lè, phau* trong *trắng phau, đui* trong *đen đui*, v.v. Những yếu tố này không làm cho tính từ trừu tượng hơn mà ngược lại, sẽ miêu tả được cụ thể hơn, chi tiết hơn. Ở đây, ngoại diên đã làm cho nội hàm được bổ sung chi tiết. Nhưng nói như vậy vẫn chưa đủ vì có nhiều tính từ tổng hợp vẫn có tính chất khái quát hơn. Ta thấy có các tính từ lặp nguyên dạng như *xanh xanh, đỏ đỏ, nặng nặng, lành lành, nhẹ nhẹ, cao cao*,... Một số nhà Việt ngữ học cho rằng, khi lặp lại như vậy, tính từ hình như biểu thị một ý nghĩa ngữ pháp là *giảm bớt mức độ*, nhưng chúng tôi không nghĩ như thế. Khi ở dạng lặp, ý nghĩa của tất cả các tính từ đơn, *trở nên trừu tượng hơn*, đặc trưng tính miêu tả cụ thể giảm đi chứ không giảm mức độ. Ở đây, người nói có ý thức về cách dùng miêu tả đó. Những câu *Chinh phụ ngâm* dưới đây có hiện tượng chúng tôi vừa đề cập:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?*

Ở đây, tính từ “xanh” xuất hiện với hai biến thể, thứ nhất là *xanh xanh*, thứ hai là *xanh ngắt*. Không thể nói *xanh xanh* trừu tượng hơn, còn *xanh ngắt* là cụ thể hơn, đó là hai cách mô tả. Người bản ngữ biết rõ thế nào là các cách miêu tả. *Xanh xanh* biến đặc trưng thành trạng thái; do đó, nó bị mờ đi. Chính điều đó sẽ thể hiện nhận xét của người nói. Chúng ta thấy trong chức năng định ngữ hay vị ngữ, những dạng mở rộng kiểu này thường được sử dụng. Và khả năng mở rộng song tiết là nhiều nhất. Tuy nhiên, cũng có cả loại mở rộng cấu trúc thành ba hoặc bốn âm tiết, ví dụ, như *sát sàt sạt, sạch sành sanh*, đặc biệt là cấu trúc mở rộng bốn tiếng như *đùng đà đùng đĩnh, vuông vuông tròn tròn, ít ít nhiều nhiều, xanh xanh đỏ đỏ*... Tuy nhiên, phổ biến nhất vẫn là dạng song tiết. Dạng song tiết không chỉ có một biến thể mà có nhiều biến thể khác nhau. Chúng ta thấy “đen” là một tính từ chỉ màu sắc nhưng bên cạnh đó còn có các từ: *đen đui, đen nhánh, đen kịt, đen thui*, v.v. Ngoài từ *xanh* còn có các từ *xanh lè, xanh lét, xanh le, xanh xao*... Đặc biệt, kết cấu *xanh xám* chỉ một trạng thái chứ không phải là chỉ màu sắc nữa, ví dụ: “Nét mặt anh ấy bỗng trở nên *xanh xám*”. Đó là một loại yếu tố ngữ dụng rất quan trọng. Ở đây không phải là một, hai khả năng mà có ba, bốn khả năng mở rộng cấu trúc khác nhau. “Bẹp” có thể mở rộng thành *bẹp dí, bẹp dúm*, “cần” có thể thành *cần cọc, cần*

cối, “vội” thì có *vội vã*, *vội vàng*, “ấm” thì có *ấm áp*, *ấm cúng*, “bạc” thì có *bạc bẽo*, *bạc phếch bạc phơ*, “bận” thì có *bận bịu*, *bận rộn*, “bé” thì có *bé tí*, *bé tẹo*, *bé bỏng*, “chậm” thì có *chậm chạp*, *chậm rì*, *chậm rãi*, v.v. Có tính từ có rất nhiều khả năng mở rộng cấu trúc, ví dụ từ “lạnh” có thể mở rộng thành *lạnh lẽo*, *lạnh lùng*, *lạnh buốt*, *lạnh tanh*, *lạnh toát*, *lạnh nhạt*. Chúng ta thấy những từ kiểu như thế giúp cho việc mô tả sinh động và mang sắc thái cụ thể, ví dụ *xa lắc*, *xa lơ*, *xa xôi* giúp gọi lên khoảng cách; *xa vời*, *xa xăm*, *xa thăm* gọi không gian không có giới hạn. Theo thống kê của một khoá luận tốt nghiệp [7], trong số 138 tính từ, tính từ có khả năng mở rộng cấu trúc với những biến thể khác nhau chiếm khoảng 56%, tính từ có hai khả năng mở rộng chiếm 17%, tính từ có một khả năng mở rộng chiếm 25%. Điều quan trọng nhất là tính từ được người bản ngữ sử dụng vừa để mô tả vừa nêu nhận xét, vì vậy, tính chủ quan của người nói khá rõ. Khi nói “xanh lè” thì ngoài việc mô tả là rất xanh còn là nhận xét, có ý chê (“Chuối này *xanh lè* thì ăn sao được”). Quan điểm của tôi là phát ngôn này đã gây ra hiệu ứng tâm lý đối với người nghe. Khả năng mở rộng cấu trúc tính từ cũng nằm trong khả năng biến đổi cấu trúc của từ nói chung. Biến đổi cấu trúc từ trong ngữ bản tiếng Việt không phải là biến đổi theo kiểu Âu châu, vốn là biến đổi theo hình thái nhân diện đạt các khía cạnh ngữ pháp đối lập của các phạm trù ngữ pháp. Trong tiếng Việt, các biến đổi cấu trúc từ thiên về *biến đổi từ vựng* có tính ngữ dụng. Những tính từ được lặp lại như *bụi mù bụi mịn*, *bổ láo bổ lếu*, *chậm chạp chậm chạp*, *điên điên khùng khùng*, *khô không khôc*, *lạch bà lạch bạch*,... có ngữ nghĩa rất đa dạng và sắc thái rất mỏng manh nhưng lại là công cụ rất tốt để miêu tả. Tất nhiên trong tiếng Việt, không phải từ láy nào cũng là tính từ, ví dụ như các kết cấu: *diệp diệp trùng trùng*, *đồng đờ đồng đánh*, *hồn hà hồn hển*, *kêu ca kêu kịt*,... là các từ láy âm, dạng láy tư chữ không phải là tính từ được mở rộng cấu trúc. Nhưng tính từ khi mở rộng cấu trúc lại chịu áp lực của loại kết cấu này. Do áp lực kết cấu thì mới mở rộng được nghĩa nên có sự tăng cường ngoại diên để cụ thể hoá, mở rộng cho nội hàm tính từ. Đóng vai trò của nội hàm bao giờ cũng là một tính từ chính danh, còn yếu tố ngoại diên thì chỉ người Việt mới hiểu được. Chẳng hạn, người nước ngoài khó mà hiểu được thế nào là *vắng ngắt*, *vắng tanh* và *vắng teo* cũng như rất khó phân biệt và dịch các từ này từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại. Thay vì nói “không nhiều” thì người Việt nói là: “*Nhiều nhận* gì cho cam”, đó vừa là lời *giải thích*, vừa là *biện minh*, vừa là *phản nản*. Ở đây, tình thái và ngữ dụng đan xen vào nhau. Khía cạnh này từ trước đến nay ít có công trình nào nghiên cứu chi tiết, đặc biệt là với tính từ chỉ màu sắc và tình cảm, ví dụ “buồn”: *buồn thiu*, *buồn tẻ*, *buồn tênh*, *buồn so*,... Nét khu biệt giữa *buồn thiu*, *buồn tẻ*, *buồn tênh*, *buồn so* rất tinh tế. Từ “buồn tênh” trong câu thơ “Sự đời nghĩ kỹ thật *buồn tênh*”, khác với “buồn thiu” và cũng khác hẳn với “buồn so”. Những tính từ kiểu này thường được các nhà thơ sử dụng rộng rãi. Dạng mở rộng tính từ là một phương tiện hữu hiệu trong biểu đạt ngữ dụng, gắn ngôn ngữ với ngữ cảnh, với người nói trên cơ sở các tham tố kết cấu đã được ngữ pháp hoá, tức là được mã hoá trong ngôn ngữ. Theo đó, những kết cấu kiểu như *buồn tênh*, *buồn*

thiu, buồn so đều đã được ngữ pháp hoá và được người Việt Nam sử dụng như một chòm biến thể. Những ví dụ thì có rất nhiều nhưng mục tiêu của chúng ta là tập trung phân tích những khía cạnh chức năng của tính từ, nhất là với dạng mở rộng. Hãy cùng phân tích một khổ thơ “tiền chiến” có màu sắc lãng mạn, trong đó các tính từ tổng hợp có dạng song tiết đã được sử dụng rất có hiệu quả:

*Tiếng diều sáo **nao nao** trong vắt,
Trời cao cao **xanh ngắt** màu lơ
Thuyền trôi, nước chảy **lững lờ**,
Hàng cây lặng đứng bên bờ **trông mong**.*

Các yếu tố đã được mã hoá và sự mã hoá này đã được cộng đồng bản ngữ tri nhận như dấu ấn được quy ước. Âm điệu của kết cấu cho phép tính từ tham gia vào âm điệu của thơ. Thứ nữa là phương thức biểu nghĩa của nó luôn liên quan đến nhận xét của người nói, khi họ mong muốn có sự chia sẻ của người nghe từ phát ngôn của mình.

Về chức năng của tính từ tiếng Việt khi đóng vai trò vị ngữ, nhiều tác giả có nhận xét là nó giống như động từ, nhưng ta cần phân tích xem tính từ giống động từ giống đến đâu và giống ở phương diện nào. Trên phương diện nghĩa, tính từ chắc chắn khác với động từ. Tính từ chỉ ra cái đặc trưng của chính động từ (như *đi nhanh, hát hay, học giỏi*). Khi xuất hiện trong câu với chức năng vị ngữ, tính từ không chỉ đặc trưng miêu tả thông thường nữa. Khi phụ cho danh từ trong các kết hợp như *nhà cao, cửa rộng, sách hay,...*, tính từ đảm nhiệm vai trò định ngữ, còn trong các kết hợp như *nhà này cao, cửa này rộng, sách này hay* thì *cao, rộng, hay* được nhìn như những *sự tình*. Đã là sự tình thì nó luôn luôn được người nói nhận định (statement). Vì là nhận định nên nó có tình thái, có quan hệ với ngữ cảnh và thậm chí nó có cả tiền giả định trong câu nữa. Chức năng định ngữ thì không như vậy. Khi làm định ngữ, tính từ biểu đạt đặc trưng với tư cách là dán nhãn chứ không phải đặc trưng theo sự tình. Ví dụ: “Cuốn sách đắt là cuốn mà tôi vẫn muốn mua” khác với: “Cuốn sách ấy đắt là vậy mua làm sao được”. Cấu trúc “đắt là vậy” là cấu trúc tiêu điểm có tính tình thái rõ rệt. Quan điểm của người nói sau là bình phẩm, và người ấy ra quyết định là sẽ không mua. Vì vậy, các tính từ khi làm vị ngữ, ở dạng mở rộng, thì có cả phụ ngữ, ví dụ: “Họ nướng cá làm thom phức cả căn phòng”. “Cả căn phòng”, trong trường hợp này, là bổ ngữ hay là thành phần gì của câu thì cũng phải suy tính. Đây là trường hợp có tính nước đôi, khi ở dạng mở rộng vị ngữ thì tính từ có khác với động từ. Khi làm vị ngữ tính từ không phải lúc nào cũng giống động từ, căn bản là vì nó phụ thuộc rất nhiều vào nhân tố giao tiếp, trong đó có nhân tố của người nói. Tính từ tham gia vào vị ngữ nhưng không trở thành bộ phận hay đã hoà hết vào khái niệm “vị từ”. Xét về phương diện từ loại, tính từ bao giờ cũng là từ loại độc lập, nó liên hội với động từ tiếng Việt nhưng chúng vẫn là hai chứ không phải là một phạm trù từ vựng - ngữ pháp.

Tiếng Việt khác với ngôn ngữ Âu châu là ở chỗ tính từ Âu ngữ thuộc về nhóm “danh” (Nominal) còn tính từ tiếng Việt thiên về nhóm “vị tính” (Pradicative) tức là Vị từ. Vị từ là một không gian rộng để các từ loại nhìn từ phương diện chức năng có thể hoạt động được. Động từ cũng là vị từ, giới ngữ cũng có thể tham gia vào đây. Chúng ta hay nói trong đời sống hiện nay là “hoà nhập nhưng không hoà tan”, đó là quan hệ giữa động từ và tính từ tiếng Việt.

CHÚ THÍCH

- ¹ Lê Văn Lý, 1948, *Le Parler Vietnamien*, Hương Anh, Paris.
- ² Nguyễn Tài Cẩn, 1960, *Từ loại danh từ tiếng Việt*, LGU, Leningrad.
- ³ Nguyễn Tài Cẩn, 1966, *Dựa vào đoán ngữ để cải tiến việc phân định từ loại*, Hội nghị Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1966.
- ⁴ Nguyễn Tài Cẩn, 1975, *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng, Từ ghép, Đoán ngữ*, Hà Nội.
- ⁵ A.A Kholodovich, 1960, “Lý thuyết phân thành tiểu loại”, (tiếng Nga), tạp chí *Voxproxij Jazikoznanije*, số 1.
- ⁶ A.A.Kholodovich, sđd.
- ⁷ Đặng Thị Thu, 2007, *Khoá luận tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Austin J.L., 1962, *How to do things with words*, Cambridge (Mass.), Harvard University Press.
- [2] Cao Xuân Hạo, 1991, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Giáo Dục, 2005.
- [3] Cao Xuân Hạo (chủ biên), 2005, *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt (quyển 2: Ngữ đoạn và từ loại)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Chafe W.L., 1970, *Meaning and the Structure of language*, Chicago.
- [5] Chao Yuen Ren, 1968, *A Grammar of Spoken Chinese*, Berkeley & Los Angeles.
- [6] Chomsky N., 1957, *Syntactic Structures*, The Hague: Mouton.
- [7] Dik S.C., 1978, *Functional Grammar*, Dordrecht: Foris
- [8] Ducrot O., 1972, *Dire et ne pas dire. Principes de semantique linguistique*, Paris: Herman.
- [9] Đình Văn Đức, 1986, *Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại*, NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội.

- [10] Đỗ Hữu Châu, 1986, *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11] Đỗ Hữu Châu và Bùi Minh Toán, 2003, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập II, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Fillmore Ch.J., 1977, *The Case for Case reopened*. In: Cole&Sadock (eds) *Grammatical relations. Syntax and Semantics vol 8*. New-York, Academic Press.
- [13] Hagege Cl., 1982, *La structure des langues*, Paris, P.U.F. C.p. 2eme ed. corrigee, 1986.
- [14] Halliday M.A.K., 1985, *An Introduction to Functional Grammar*, London, Arnold.
- [15] Huỳnh Văn Thông, 2004, *Vị từ tình thái trong tiếng Việt*, Luận án tiến sỹ Ngữ văn, Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.
- [16] Keenan E.L, 1976, *Towards a Universal Definition of “Subject”*. In: Ch.Li (ed) 1976.
- [17] Li Ch.N.& Thompson S.A., 1976, *Subject and Topic: anew tipology of language*, In: Li Ch.(ed) 1976,457-489.
- [18] Lyons J., 1968, *Introduction to Theoretical Linguistics*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [19] Lý Toàn Thắng, 1981, *Giới thiệu lý thuyết phân đoạn thực tại câu*, tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1, 1981.
- [20] Nguyễn Minh Thuyết và Nguyễn Văn Hiệp, 1998, *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [21] Nguyễn Kim Thán, 1963, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt (1)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [22] Nguyễn Kim Thán, 1977, *Từ loại động từ tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [23] Nguyễn Thị Quy, 1997, *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [24] Panfilov V.S., 1992, *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, St-Petersbourg, bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Thuỷ Minh, Nguyễn Xuân Hoà (Lưu hành nội bộ), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
- [25] Panfilov V.Z., 1968, *Grammar and logic*, The Hague-Paris:Mouton.
- [26] Robins R.H. *General Linguistics, An Introductory Servey*, London.
- [27] Searle J.R., 1960, *Speech Acts: An Essay on the Philosophy of language*, Cambridge University Press.
- [28] Sechehaye A., 1926, *Essai sur la structure logique de la phrase*, Paris.
- [29] Tesnierre L., 1959, *Elements de syntaxe structurale*, Paris: Klincksieck.
- [30] Thompson L.C., 1965, *A Vietnamese Grammar*, Seattle&London: University of Washington Press.
- [31] Van Valin & Foley W.1980., *Role and Reference Grammar*, In: *Syntax and Semantics*.